

Số: 7185/SYT-NV
V/v góp ý sửa đổi Thông tư số
43/2013/TT-BYT, Thông tư số
21/2017/TT-BYT và Thông tư
50/2014/TT-BYT

Đồng Nai, ngày 25 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Cục Quản lý Khám, chữa bệnh Bộ Y tế.

Thực hiện Công văn số 1532/KCB-NV ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh Bộ Y tế về việc xin ý kiến góp ý sửa đổi Thông tư số 43/2013/TT-BYT, Thông tư số 21/2017/TT-BYT và Thông tư 50/2014/TT-BYT. Sở Y tế có ý kiến góp ý bản dự thảo Thông tư và Danh mục kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư như sau:

1. Đồng ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thay thế danh mục kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013, Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Danh mục phân loại phẫu thuật, thủ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật.

2. Một số Dịch vụ kỹ thuật chưa có trong Thông tư số 43/2013/TT-BYT, Thông tư số 21/2017/TT-BYT

STT	Chuyên khoa	Tên dịch vụ kỹ thuật
1	Nội khoa	Đường huyết mao mạch tại giường
2	Răng hàm mặt	Nhổ răng số 8 bình thường
		Nhổ răng số 8 có biến chứng khít hàm
		Nhổ răng khó
		Nhổ răng đơn giản
		Lấy cao răng một vùng/một hàm
		Lấy cao răng hai hàm
		Rạch áp xe trong miệng
3	Ngoại khoa	Thảo bột các loại
		Chọc hút nang tinh hoàn, mào tinh hoàn, thừng tinh
		Nẹp bột căng bàn chân
		Nẹp bột đùi căng bàn chân
		Nẹp bột căng bàn tay
		Nẹp bột cánh căng bàn tay
4	Huyết học - truyền máu	Thời gian máu đông
5	Vi sinh	ASLO (Antistreptolysin O)
		Ký sinh trùng soi tươi

Một số DVKT thuộc chuyên ngành răng hàm mặt có tên DVKT là phẫu thuật, tuy nhiên những kỹ thuật này có giá thu của các loại thủ thuật, không phù hợp với chế độ chi phụ cấp của phân loại phẫu thuật.

4. Điều chỉnh một số Danh mục dịch vụ kỹ thuật trong Thông tư số 50/2014/TT-BYT cho phù hợp giá chi phí thanh toán BHYT.

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN LOẠI PHẪU THUẬT				PHÂN LOẠI THỦ THUẬT				SỬA ĐỔI
		ĐB	I	II	III	ĐB	I	II	III	
	VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN									
4.	Nhĩ châm							x		T3
5.	Điện châm							x		T3
6.	Thủy châm							x		T3
7.	Cấy chỉ (Chôn chỉ/Nhu châm)						x			T3
8.	Ôn châm							x		T3
483	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay							x		T3
484	Xoa bóp bấm huyệt bằng máy							x		không PL
	X. NGOẠI KHOA									
832.	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay		x							P3
965.	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu...)		x							P3
997.	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay						x			T3
998.	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay						x			T3
999.	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay						x			T3
1000	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu							x		T3
1001	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay							x		T3

[illegible]

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN LOẠI PHẪU THUẬT				PHÂN LOẠI THỦ THUẬT				SỬA ĐỔI
		ĐB	I	II	III	ĐB	I	II	III	
227.	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê							x		T3
228.	A- Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê						x			T3
	B- Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây mê				x					T3
229.	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê						x			T3
230.	Nội soi hạ họng ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê						x			T3
231.	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê						x			T3
232.	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê						x			T3
233.	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê						x			T3
234.	A- Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê					x				T3
	B- Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây mê			x						T3
235.	A- Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê					x				T3
	B- Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây mê			x						T3
236.	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê						x			T3
237.	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê						x			T3
238.	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê						x			T3
239.	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê						x			T3
240.	A- Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê					x				T3
	B- Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây mê			x						T3
241.	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê					x				T3
242.	A- Nội soi thanh quản ống cứng sinh thiết u gây tê						x			T3
	B- Nội soi thanh quản ống cứng sinh thiết u gây mê					x				T3
243.	A- Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê						x			T3
	B- Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây mê					x				T3

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN LOẠI PHẪU THUẬT				PHÂN LOẠI THỦ THUẬT				SỬA ĐỔI
		ĐB	I	II	III	ĐB	I	II	III	
303.	Thay băng vết mổ								x	Không PL
	XVI. RĂNG HÀM MẶT									
39.	Điều trị áp xe quanh răng cấp				x					T3
40.	Điều trị áp xe quanh răng mạn				x					T3
41.	Điều trị viêm quanh răng						x			T3
42.	Chích áp xe lợi						x			T3
43.	Lấy cao răng						x			T3
50.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội				x					T2
51.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy				x					T2
61.	Điều trị tủy lại				x					T2
67.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite							x		T3
68.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite							x		T3
70.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement							x		T3
71.	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement							x		T3
72.	Phục hồi cổ răng bằng Composite							x		T3
73.	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà							x		T3
197.	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ				x					T1
198.	Phẫu thuật nhổ răng ngầm			x						T1
199.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên				x					T1
200.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới			x						T1
201.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân			x						T1
202.	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng			x						T1
203.	Nhổ răng vĩnh viễn				x					T3
204.	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay						x			T3
205.	Nhổ chân răng vĩnh viễn						x			T3
206.	Nhổ răng thừa						x			T2
213.	Cắt lợi xơ cho răng mọc				x					T3
214.	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới				x					T3
230.	Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục						x			T2
231.	Lấy tuỷ buồng răng sữa				x					T2

[illegible]

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN LOẠI PHẪU THUẬT				PHÂN LOẠI THỦ THUẬT				SỬA ĐỔI
		ĐB	I	II	III	ĐB	I	II	III	
60.	Siêu âm Doppler dương vật								x	Không PL
	XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP									
67.	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hoá cao để chẩn đoán và điều trị						x			T2
68.	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật						x			T2
70.	Nội soi đại tràng-lấy dị vật						x			T2
71.	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu						x			T2
73.	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết						x			T2
79.	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh thiết						x			T3
80.	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng							x		T3
	XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG									
8.	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ							x		Không PL
9.	Đo lưu huyết não								x	Không PL
19.	Đo hô hấp ký							x		Không PL

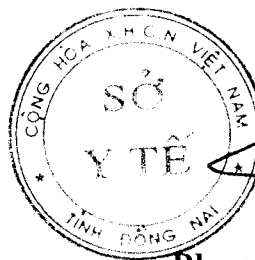
5. Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định Phân tuyến kỹ thuật và danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh sớm để các cơ sở khám, chữa bệnh trên toàn quốc thực hiện.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Y tế Đồng Nai./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở Y tế (báo cáo);
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, NV.
(Vg/NV/2020)

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ

